

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013*



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Phó Chủ tịch
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên
Ông Bùi Quang Hiệp	Thành viên
Ông Đoàn Minh Tiến	Thành viên
Ông Khuru Kim Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Anh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Hiệp	Giám đốc Điều hành
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc Sản xuất
Ông Phạm Trần Ái Trung	Giám đốc Tài chính
Ông Trần Ngọc Hải	Giám đốc Thương mại
Ông Lê Anh Hải	Giám đốc Kinh doanh

3. Các hoạt động chính

- Sản xuất sản phẩm cơ khí. Cán kéo kim loại. Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất – xây dựng. Mua bán nguyên liệu, vật liệu xây dựng. Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, hàng trang trí nội thất.
- Kinh doanh bất động sản. Đại lý kỹ gửi hàng hoá. Dịch vụ thương mại.

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/9/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013 được trình bày từ trang 05 đến trang 29.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

7. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Trần Xảo Cơ

Chủ tịch

Ngày 28 tháng 12 năm 2013



Số: 048a/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013
của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/9/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013, được lập ngày 28 tháng 12 năm 2013, từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu tại ngày 30/9/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài



chính kết thúc ngày 30/9/2013 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. HCM, ngày 28 tháng 12 năm 2013

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN VĂN TUYẾN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHAN ĐỨC DANH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2080-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.675.879.268.250	1.701.788.427.430
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	58.950.972.125	63.582.495.100
1. Tiền	111		26.719.454.274	48.372.495.100
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.231.517.851	15.210.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		1.131.800	2.382.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.095.000	9.095.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(7.963.200)	(6.712.800)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.02	760.054.855.594	1.077.207.427.893
1. Phải thu khách hàng	131		655.689.516.922	1.044.011.098.865
2. Trả trước cho người bán	132		87.910.656.742	7.123.227.867
3. Các khoản phải thu khác	135		20.385.343.469	30.648.383.828
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.930.661.539)	(4.575.282.667)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	854.939.640.639	558.891.466.649
1. Hàng tồn kho	141		954.851.020.318	559.739.428.491
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(99.911.379.679)	(847.961.842)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.04	1.932.668.092	2.104.655.588
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.071.188.214	1.311.418.522
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.551.731	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		163.889.627	142.429.066
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		632.038.520	650.808.000
B. Tài sản dài hạn	200		334.918.169.809	380.329.208.456
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		186.288.477.567	241.678.607.326
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	75.926.635.298	82.699.957.805
- Nguyên giá	222		190.899.569.055	194.248.037.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.972.933.757)	(111.548.079.551)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.05	4.228.321.325	7.698.877.901
- Nguyên giá	225		16.144.164.513	16.144.164.513
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.915.843.188)	(8.445.286.612)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	96.493.163.513	102.310.588.157
- Nguyên giá	228		112.547.052.023	112.547.052.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.053.888.510)	(10.236.463.866)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	9.640.357.431	48.969.183.463
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.09	113.420.000.000	113.420.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.420.000.000	13.420.000.000
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.10	35.209.692.242	25.230.601.130
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.186.385.324	4.884.216.115
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	4.298.093
3. Tài sản dài hạn khác	268		32.023.306.918	20.342.086.922
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.010.797.438.059	2.082.117.635.886

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		1.707.075.292.719	1.561.324.490.910
I. Nợ ngắn hạn	310	V.11	1.703.993.833.108	1.550.265.067.893
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1.144.200.562.981	1.080.024.306.194
2. Phải trả người bán	312		502.599.826.289	335.944.013.491
3. Người mua trả tiền trước	313		16.205.095.174	56.614.377.195
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		27.034.414.311	71.881.387.752
5. Phải trả người lao động	315		801.642.000	1.538.992.000
6. Chi phí phải trả	316		11.355.036.296	3.100.030.619
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.489.159.057	1.161.960.642
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		308.097.000	-
II. Nợ dài hạn	330	V.12	3.081.459.611	11.059.423.017
1. Vay và nợ dài hạn	334		3.081.459.611	7.427.189.150
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	3.632.233.867
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.13	303.722.145.340	520.793.144.976
I. Vốn chủ sở hữu	410		303.722.145.340	520.793.144.976
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		344.592.930.000	344.592.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.887.786.000	140.887.786.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	125.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(163.000.000)	(125.000.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.446.176.614	1.321.176.614
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.340.000.000	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(185.381.747.274)	33.991.252.362
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.010.797.438.059	2.082.117.635.886

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại - USD	141,677.11	432,726.51
- EUR	198.01	208.93
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(Signature)

Nguyễn Thị Bé Chính

Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nghiệp

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

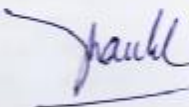
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế/ (lỗ)</i>	01	(215.768.701.543)	30.162.484.466
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.778.429.493	23.930.542.457
Các khoản dự phòng	03	98.420.047.109	(8.357.673.466)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(221.411.435)	17.192.372
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.444.889.671)	(40.898.023.356)
Chi phí lãi vay	06	155.362.308.698	186.709.505.177
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	54.125.782.651	191.559.027.650
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	357.892.881.195	9.768.170.599
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(395.607.681.795)	142.649.684.803
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	90.267.324.546	(64.377.735.459)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	5.191.166.046	3.101.553.288
Tiền lãi vay đã trả	13	(144.297.272.402)	(183.811.974.558)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(16.674.652.629)	(2.012.073.721)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.115.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(10.441.558.829)	(5.252.226.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(59.544.011.217)	92.738.425.688
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(12.147.890.713)	(51.946.272.957)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.745.000.000	25.331.863.086
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	40.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.699.889.671	5.770.694.916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.703.001.042)	19.156.285.045
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	(38.000.000)	(30.000.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.189.171.598.626	2.789.634.370.596
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.127.070.262.759)	(2.894.712.969.930)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(3.450.696.800)	(6.722.263.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	58.612.639.067	(111.830.862.592)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.634.373.192)	63.848.141
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	63.582.495.100	63.535.839.331
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.850.217	(17.192.372)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	58.950.972.125	63.582.495.100

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


 Nguyễn Thị Bé Chính
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng


 Trần Tuấn Nghiệp
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 12 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2001 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302290400 ngày 03/8/2012.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 344.592.930.000 đồng, được chia thành 34.459.293 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Huu Lien Asia Corporation. Tên viết tắt: HLA CORP.

- Trụ sở chính đặt tại: KE A2/7 Tân Kiên - Bình Lợi, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Văn phòng đại diện tại toà nhà HD, lầu 5, 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ

4 Ngành nghề kinh doanh

Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất - xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Sản xuất sản phẩm cơ khí. Cán kéo kim loại. Mua bán nguyên vật liệu, vật liệu xây dựng. Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, hàng trang trí nội thất. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ thương mại.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/9/2013: 251 người.

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Lô B15-B21, KCN Phú An Thạnh, đường tỉnh 830, An Thạnh, Bến Lức, Long An	Sản xuất, thương mại, dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty CP Minh Hữu Liên	R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bùi Bằng Đoàn, quận 7, Tp. HCM	Sản xuất	30,68%	30,68%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/10, kết thúc ngày 30/9 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá hối đoái bình quân tại ngày 30/9/2013: 21.081 VND/USD.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	04 - 15 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	38 - 50 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	15 năm

7. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị

04 - 05 năm

8. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 05 năm.

- Chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí bảo hiểm
- Chi phí sửa chữa
- Chi phí phần mềm, chi phí nghiên cứu thị trường
- Các chi phí khác chờ phân bổ

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: được hoàn nhập toàn bộ trong năm theo như qui định, và sẽ thực chi khi thực tế phát sinh.

12. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

18. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.329.096.283	1.812.224.065
Tiền gửi ngân hàng	(*) 24.390.357.991	46.560.271.035
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 3%/năm đến 5%/năm	32.231.517.851	15.210.000.000
Cộng	58.950.972.125	63.582.495.100



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 141,677.11 USD tương đương 2.986.742.341 đồng và 198,01 EUR tương đương 5.604.277 đồng.

Toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng (2.1)	655.689.516.922	1.044.011.098.865
Trả trước cho người bán (2.2)	87.910.656.742	7.123.227.867
Phải thu khác (2.3)	20.385.343.469	30.648.383.828
Dự phòng phải thu khó đòi (2.4)	(3.930.661.539)	(4.575.282.667)
Cộng	760.054.855.594	1.077.207.427.893
(2.1) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu thương mại (*)	503.367.872.504	836.255.820.436
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.3)	152.321.644.418	207.755.278.429
Cộng	655.689.516.922	1.044.011.098.865

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 628,459.04 USD tương đương 13.248.545.022 đồng.

(2.2) Trong đó, bao gồm các khoản trả trước người bán có gốc ngoại tệ là 1,998,751.44 USD tương đương 42.044.903.292 đồng và khoản trả trước liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh là 40 tỷ đồng.

(2.3) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ứng trước cho nhân viên	-	73.457.274
- Thuế nhập khẩu của hàng tạm nhập tái xuất	20.053.383.147	22.934.644.591
- Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính chưa kê khai khấu trừ	188.085.151	338.548.473
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	-	7.279.520.471
- Cho các bên liên quan mượn (thuyết minh số VII.3)	100.000.000	-
- Phải thu lãi từ tiền gửi	38.817.969	-
- Các khoản phải thu khác	5.057.202	22.213.019
Cộng	20.385.343.469	30.648.383.828

(2.4) Biến động dự phòng phải thu khó đòi:

Số dư đầu năm (01/10/2012)	(4.575.282.667)
Trích lập dự phòng	(1.401.407.710)
Hoàn nhập dự phòng	2.046.028.838
Số dư cuối năm (30/9/2013)	(3.930.661.539)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	-	6.740.000
Nguyên liệu, vật liệu	133.498.190.574	235.293.090.398
Công cụ, dụng cụ	468.531.452	648.877.717
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.610.901.324	21.404.425.752
Thành phẩm	32.033.122.744	102.309.551.403
Hàng hoá	783.240.274.224	200.076.743.221
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*) (99.911.379.679)	(847.961.842)
Cộng	854.939.640.639	558.891.466.649

Giá trị hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được thuyết minh tại mục số 11, 12 - thuyết minh báo cáo tài chính.

(*) Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Số dư đầu năm	(847.961.842)
- Trích lập dự phòng	(99.063.417.837)
- Hoàn nhập dự phòng	-
- Số dư cuối năm (30/9/2013)	(99.911.379.679)

4. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	(*) 1.071.188.214	1.311.418.522
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	65.551.731	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(**) 163.889.627	142.429.066
Tạm ứng	623.774.000	650.808.000
Ký quỹ ngắn hạn	8.264.520	-
Cộng	1.932.668.092	2.104.655.588

(*) Bao gồm:

	Số cuối năm
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	869.973.639
- Chi phí bảo hiểm trả trước	72.249.764
- Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	80.324.372
- Chi phí khác chờ phân bổ	48.640.439
Cộng	1.071.188.214

(**) Khoản thuế thu nhập cá nhân đang chờ quyết toán.

5. Tài sản cố định thuê tài chính	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	16.144.164.513
Khấu hao phát sinh trong năm	3.470.556.576
Khấu hao lũy kế đến 30/9/2013	11.915.843.188
Giá trị còn lại tại ngày 30/9/2013	4.228.321.325

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	47.454.127.029	128.219.656.122	13.463.064.284	4.254.224.921	856.965.000	194.248.037.356
Tăng	4.755.294.459	6.786.060.509	-	26.990.909	-	11.568.345.877
Giảm	103.083.115	12.975.336.492	211.939.014	1.580.255.557	46.200.000	14.916.814.178
Số dư cuối năm	52.106.338.373	122.030.380.139	13.251.125.270	2.700.960.273	810.765.000	190.899.569.055
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.003.971.849	88.208.382.617	10.345.720.066	2.504.740.143	485.264.876	111.548.079.551
Tăng	2.709.347.947	11.072.381.802	1.263.289.868	383.082.688	62.345.968	15.490.448.273
Giảm	64.092.455	10.964.590.609	155.222.791	840.484.052	41.204.160	12.065.594.067
Số dư cuối năm	12.649.227.341	88.316.173.810	11.453.787.143	2.047.338.779	506.406.684	114.972.933.757
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	37.450.155.180	40.011.273.505	3.117.344.218	1.749.484.778	371.700.124	82.699.957.805
Số dư cuối năm	39.457.111.032	33.714.206.329	1.797.338.127	653.621.494	304.358.316	75.926.635.298

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua mới và xây dựng cơ bản hoàn thành, giảm trong kỳ do nhượng bán và chuyển sang công cụ, dụng cụ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 32.147.587.299 đồng.
Tại ngày 30/9/2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 980.845.946 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	111.144.145.330	1.402.906.693	112.547.052.023
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	(*) 111.144.145.330	1.402.906.693	112.547.052.023
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.046.132.531	190.331.335	10.236.463.866
Tăng	5.723.897.532	93.527.112	5.817.424.644
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	15.770.030.063	283.858.447	16.053.888.510
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	101.098.012.799	1.212.575.358	102.310.588.157
Số dư cuối năm	95.374.115.267	1.119.048.246	96.493.163.513

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm 10 quyền sử dụng có thời hạn tại quận Bình Tân và quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh (thời hạn hết hạn sử dụng: từ năm 2049 đến năm 2055). Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất này được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất	-	40.000.000.000
Chi phí dự án của khu phức hợp cao ốc Hữu Liên	(*) 8.887.374.409	8.887.374.409
Các công trình khác	752.983.022	81.809.054
Cộng	9.640.357.431	48.969.183.463

(*) Là chi phí đền bù, giải toả tại Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Dự án đang được tạm ngưng thực hiện do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm ngưng đầu tư vào lĩnh vực bất động sản và chờ thời điểm thích hợp để triển khai.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	(a) 100.000.000.000	100.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(b) 13.420.000.000	13.420.000.000
Cộng	113.420.000.000	113.420.000.000

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 100% / tổng vốn điều lệ (100 tỷ đồng) tương đương 100 tỷ đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.1) bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
- NH Malayan Banking BerHad	(a)	45.474.549.602	45.388.240.588
- NH TMCP Nam Việt	(b)	191.802.131.820	182.650.724.048
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	(c)	520.645.936.378	607.777.175.059
- NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(d)	210.353.909.872	149.851.435.301
- NH First Commercial Bank	(e)	84.195.169.770	83.180.321.782
- NH TMCP Quân đội	(f)	87.383.136.000	-
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam		-	6.684.800.000
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	(12c)	4.345.729.539	4.491.609.416
Cộng		1.144.200.562.981	1.080.024.306.194

(a) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking BerHad - Hồ Chí Minh theo thư đề nghị vay vốn số MBB/HCMC/LO/2010/HLA/09 ngày 09/5/2011 với hạn mức là 2,500,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: 15%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **45.474.549.602 đồng**.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 019/11/HĐHM/101-51 ngày 10/8/2011 và phụ lục bổ sung số 003/PL ngày 03/11/2012 với tổng hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ (thông thường là 12 tháng); lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: vay bằng VND là 13,5%/năm đến 15%/năm, vay bằng USD là 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh phát sinh/hình thành trước, trong hoặc sau ngày ký hợp đồng đảm bảo có giá trị tối thiểu là 180 tỷ đồng, 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh; và 01 quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **191.802.131.820 đồng**, bao gồm 187.680.796.320 đồng và 195,500.00 USD tương đương 4.121.335.500 đồng.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thoả thuận sửa đổi bổ sung số 07/LD1013800069 ngày 01/7/2013 với tổng hạn mức là 750 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: vay bằng VND là 10,5%/năm đến 13%/năm, vay bằng USD là 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; 05 quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh và 03 bất động sản thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **520.645.936.378 đồng**, bao gồm 417.044.107.091 đồng và 4,914,464.65 USD tương đương 103.601.829.287 đồng.

(d) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/72489 ngày 16/5/2013 với tổng hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: 10,5%/năm đến 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị định giá là 820 triệu đồng, hàng tồn kho được định giá là 57.330.000.000 đồng, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bên thứ ba, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **210.353.909.872 đồng**.

(e) Khoản vay Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số TRTD-H101/122 ngày 29/8/2012 với tổng hạn mức là 4,000,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: từ 13,5%/năm đến 14%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **84.195.169.770 đồng**.

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo thông báo cấp hạn mức tín dụng năm 2013 ngày 23/7/2013 với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: 13,4%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **87.383.136.000 đồng**.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả người bán thương mại (*)	479.351.657.765	275.594.032.822
- Phải trả đến các bên liên quan (Thuyết minh số VII.3)	23.248.168.524	60.349.980.669
Cộng	502.599.826.289	335.944.013.491

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 11,342,094.65 USD tương đương 239.102.697.317 đồng.

(11.3) Trong đó, bao gồm các khoản người mua trả trước có gốc ngoại tệ là 574,463.59 USD tương đương 11.981.685.853 đồng.

(11.4) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	32.993.669.331
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	7.279.510.468
- Thuế nhập khẩu	22.627.817.729	10.527.614.542
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.405.940.782	21.080.593.411
- Thuế khác	655.800	-
Cộng	27.034.414.311	71.881.387.752

(11.5) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay còn phải trả	11.065.036.296	2.891.530.619
- Chi phí khác còn phải trả	290.000.000	208.500.000
Cộng	11.355.036.296	3.100.030.619

(11.6) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	86.715.580	112.935.552
- Bảo hiểm bắt buộc	820.106.100	-
- Nhận ký quỹ ngắn hạn	500.000.000	500.000.000
- Phải trả cho các bên liên quan	-	543.799.058
- Các khoản phải trả khác	82.337.377	5.226.032
Cộng	1.489.159.057	1.161.960.642

12. Nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn (*)	3.081.459.611	7.427.189.150
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	3.632.233.867
Cộng	3.081.459.611	11.059.423.017

(*) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngân hàng (a)	3.296.166.324	4.482.958.981
- Nợ thuế tài chính (b)	4.131.022.826	7.435.839.585
- Nợ dài hạn đến hạn trả (c)	(4.345.729.539)	(4.491.609.416)
Cộng	3.081.459.611	7.427.189.150

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả người bán thương mại (*)	479.351.657.765	275.594.032.822
- Phải trả đến các bên liên quan (Thuyết minh số VII.3)	23.248.168.524	60.349.980.669
Cộng	502.599.826.289	335.944.013.491

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 11,342,094.65 USD tương đương 239.102.697.317 đồng.

(11.3) Trong đó, bao gồm các khoản người mua trả trước có gốc ngoại tệ là 574,463.59 USD tương đương 11.981.685.853 đồng.

(11.4) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	32.993.669.331
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	7.279.510.468
- Thuế nhập khẩu	22.627.817.729	10.527.614.542
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.405.940.782	21.080.593.411
- Thuế khác	655.800	-
Cộng	27.034.414.311	71.881.387.752

(11.5) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay còn phải trả	11.065.036.296	2.891.530.619
- Chi phí khác còn phải trả	290.000.000	208.500.000
Cộng	11.355.036.296	3.100.030.619

(11.6) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	86.715.580	112.935.552
- Bảo hiểm bắt buộc	820.106.100	-
- Nhận ký quỹ ngắn hạn	500.000.000	500.000.000
- Phải trả cho các bên liên quan	-	543.799.058
- Các khoản phải trả khác	82.337.377	5.226.032
Cộng	1.489.159.057	1.161.960.642

12. Nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn (*)	3.081.459.611	7.427.189.150
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	3.632.233.867
Cộng	3.081.459.611	11.059.423.017

(*) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngân hàng (a)	3.296.166.324	4.482.958.981
- Nợ thuế tài chính (b)	4.131.022.826	7.435.839.585
- Nợ dài hạn đến hạn trả (c)	(4.345.729.539)	(4.491.609.416)
Cộng	3.081.459.611	7.427.189.150

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 11232 ngày 10/11/2006 với số tiền vay là 10.175.513.200 đồng; mục đích vay: xây dựng nhà xưởng; thời hạn vay: 120 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: 17%năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **3.296.166.324 đồng**, trong đó, bao gồm khoản nợ dài hạn đến hạn trả là 1.040.912.739 đồng.

(b) Thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng số SBL010200906010 ngày 26/6/2009 nhằm tài trợ cho 02 dây chuyền sản xuất với tổng giá trị thuê là 16.914.736.390 đồng; thời hạn thuê: 05 năm (đáo hạn ngày 31/12/2014). Số dư nợ thuê tài chính đến ngày 30/9/2013 là **4.131.022.826 đồng**, trong đó, bao gồm khoản nợ dài hạn đến hạn trả là 3.304.816.800 đồng.

13. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
(a) Vốn đầu tư chủ sở hữu	344.592.930.000	-	-	344.592.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	140.887.786.000	-	-	140.887.786.000
Vốn khác của chủ sở hữu	125.000.000	-	125.000.000	-
(b) Cổ phiếu quỹ	(125.000.000)	(38.000.000)	-	(163.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	1.321.176.614	125.000.000	-	1.446.176.614
Quỹ dự phòng tài chính	-	2.340.000.000	-	2.340.000.000
(c) Lợi nhuận chưa phân phối	33.991.252.362	(215.772.999.636)	3.600.000.000	(185.381.747.274)
Cộng	520.793.144.976	(213.345.999.636)	3.725.000.000	303.722.145.340

(a) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 344.592.930.000 đồng tương đương 34.459.293 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	67.200.000	67.200.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	34.459.293	34.459.293
Số lượng cổ phiếu mua lại	(16.300)	(12.500)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.444.493	34.446.793

(b) Tính đến 30/9/2013, Công ty đã mua lại 16.300 cổ phần với giá mua 10.000 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

(c) Lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận lũy kế đến 01/10/2012	33.991.252.362
- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phát sinh trong năm	(215.772.999.636)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.260.000.000)
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(2.340.000.000)
Lợi nhuận (lỗ) lũy kế đến 30/9/2013	(185.381.747.274)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
14. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	1.154.690.615.542	4.112.630.482.602
Doanh thu bán thành phẩm	3.111.756.108.211	1.313.280.652.707
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.979.829.449	4.681.776.447
Chiết khấu thương mại	-	(56.667.175)
Giảm giá hàng bán	-	(59.027.150)
Hàng bán bị trả lại	(859.044.343)	(4.944.917.413)
Cộng	4.276.567.508.859	5.425.532.300.018
15. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng hoá đã bán	1.074.337.117.980	3.951.654.370.535
Giá vốn thành phẩm đã bán	3.116.786.822.079	1.236.959.188.042
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.622.064.028	459.539.427
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	99.063.417.837	(388.483.850)
Cộng	4.292.809.421.924	5.188.684.614.154
16. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền ký quỹ	2.699.889.671	4.770.562.916
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.000.132.000
Lãi bán chứng khoán	-	20.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.536.068.113	3.640.045.151
Doanh thu tài chính khác	2.004.913	3.956.441
Cộng	6.237.962.697	29.414.696.508
17. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	155.362.308.698	186.703.505.177
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	1.250.400	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.088.173.694	7.104.059.454
Chi phí tài chính khác	400.534	66.892.532
Cộng	164.452.133.326	193.874.457.163
18. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	4.208.427.612	9.808.550.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.361.728	23.811.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.080.696.162	18.792.385.752
Chi phí bằng tiền khác	1.922.671.122	6.106.790.997
Cộng	28.233.156.624	34.731.538.511



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	11.245.820.483	16.431.042.354
Chi phí dụng cụ văn phòng	472.749.433	428.314.916
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.952.129.847	3.810.152.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.121.457.546	5.456.737.192
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(644.621.128)	(7.970.944.216)
Chi phí bằng tiền khác	7.704.287.775	10.142.470.270
Cộng	25.851.823.956	28.297.772.722

	Năm nay	Năm trước
20. Thu nhập khác		
Thu do nhượng bán tài sản cố định	5.745.000.000	25.331.863.086
Thuế nhập khẩu được hoàn	8.936.414.273	4.903.709.150
Thu do nhượng bán công cụ, phế liệu	786.656.912	-
Thu từ bồi thường	173.914.924	475.872.729
Xử lý công nợ phải trả theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 20/8/2013	3.410.894.976	-
Nhập hàng mẫu	-	300.958.150
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	3.020.534.617	-
Thu nhập khác	4.093.927	196.849.732
Cộng	22.077.509.629	31.209.252.847

	Năm nay	Năm trước
21. Chi phí khác		
Chi phí nhượng bán công cụ	349.746.105	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	10.204.534.646
Các khoản tiền phạt	324.349.910	178.291.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình của những năm trước	3.241.845.671	-
Chi phí lãi phạt chậm nộp thuế GTGT	5.378.120.354	-
Chi phí khác	11.084.858	22.556.512
Cộng	9.305.146.898	10.405.382.357

	Năm nay	Năm trước
22. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(215.768.701.543)	30.162.484.466
Các khoản điều chỉnh tăng	13.204.912.007	5.717.555.170
Các khoản điều chỉnh giảm	(17.192.372)	(2.258.399.536)
Thu nhập tính thuế ước tính	(202.580.981.908)	33.621.640.100
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tạm nộp	-	8.405.410.025
Thuế bị truy thu	-	339.331.395
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	8.744.741.420



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.946.699.218.268
Chi phí nhân công	38.364.484.892
Chi phí khấu hao	24.778.429.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.537.180.024
Chi phí khác	10.591.915.550
Cộng	<u>3.054.971.228.227</u>

VII. Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên đến Ông Trần Xảo Cơ (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 04/11/2013 với giá chuyển nhượng là 100 tỷ đồng. Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên đã đạt được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101117327 ngày 13/11/2013 về việc thay đổi chủ sở hữu như đã nêu trên.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Cam kết

Cam kết nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 395, 396 phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/7/2012 giữa Bà Lưu Lang Phương ("bên bán") và Công ty với giá chuyển nhượng là 45 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/9/2013, Công ty đã thanh toán cho bên bán là 40 tỷ đồng. Số tiền còn lại Công ty sẽ thanh toán khi bên bán hoàn tất mọi thủ tục chuyển nhượng.

3. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Công ty con	Bán hàng hoá	487.476.777.508
		Cung cấp dịch vụ	214.546.167
		Mua hàng hoá, nguyên liệu	(765.192.030.475)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(269.171.099)
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty liên kết	Bán hàng hoá	9.149.627.495
		Cung cấp dịch vụ	9.260.834.464
		Bán tài sản	4.545.000.000
		Bán công cụ	34.330.456
		Mua vật tư, hàng hóa	(15.534.291.749)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(18.846.364)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Công ty con	Phải thu	146.236.719.769
		Phải thu khác	100.000.000
		Phải trả	(21.159.008.193)
Công ty CP Minh Hữu Liên	Công ty liên kết	Phải thu	6.084.924.649
		Phải trả	(2.089.160.331)

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:	USD	Tương đương VND
Tài sản tài chính		
- Tiền gửi ngân hàng	141.677,11	2.986.742.341
- Phải thu khách hàng	628.459,04	13.248.545.022
- Ký quỹ dài hạn	400.795,01	8.449.159.606
Cộng	1.170.931,16	24.684.446.969
Nợ tài chính	USD	Tương đương VND
- Vay và nợ ngắn hạn	5.109.964,65	107.723.164.787
- Phải trả người bán	11.342.094,65	239.102.697.317
Cộng	16.452.059,30	346.825.862.104
Mức rủi ro tiền tệ	(15.281.128,14)	(322.141.415.135)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013 sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (16.107.070.757 đồng) do (lỗ)/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản ký quỹ dài hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	30/9/2013	Biến động lãi suất 2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng	32.231.517.851	644.630.357
- Ký quỹ dài hạn	28.505.456.918	570.109.138
Cộng	60.736.974.769	1.214.739.495
Nợ phải trả có lãi suất	30/9/2013	Biến động lãi suất 2%
- Vay và nợ ngắn hạn	1.144.200.562.981	22.884.011.260
- Vay và nợ dài hạn	3.081.459.611	61.629.192
Cộng	1.147.282.022.592	22.945.640.452
Chênh lệch		(21.730.900.957)

(*) Biến động lãi suất 2% = (tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất) x 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (21.730.900.957 đồng).

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30/9/2013	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	1.144.200.562.981	3.081.459.611	1.147.282.022.592
- Phải trả người bán	502.599.826.289	-	502.599.826.289
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	27.034.414.311	-	27.034.414.311
- Phải trả người lao động	801.642.000	-	801.642.000
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	12.844.195.353	-	12.844.195.353
Cộng	1.687.480.640.934	3.081.459.611	1.690.562.100.545

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là khá cao. Công ty tin tưởng vẫn có đủ khả năng

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (thuyết minh tại mục số 3, 6 và 7 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Đơn vị tính: 1.000 đồng	
		Tăng	Giảm	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	9.095	-	(7.963)	1.132	(7.963)
Tiền gửi có kỳ hạn	32.231.518	-	-	32.231.518	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	13.420.000	244.000	-	13.664.000	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	100.000.000	-	(46.024.373)	53.975.627	-
Cộng	145.660.613	244.000	(46.032.337)	99.872.276	(7.963)

(*) Vào ngày 04/11/2013, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên với giá chuyển nhượng bằng với giá gốc khoản đầu tư (100 tỷ đồng). Do đó, Công ty đã không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn của khoản đầu tư này.

4.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 754.502.823.319 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	30/9/2013
Tổng gộp	9.482.693.814
Trừ dự phòng giảm giá trị	(3.930.661.539)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	5.552.032.275

Dự phòng giảm giá trị

Số dư đầu năm	(4.575.282.667)
Tăng do trích lập dự phòng	(1.401.407.710)
Giảm do hoàn nhập dự phòng	2.046.028.838
Số dư cuối năm	(3.930.661.539)

Nguyễn Thị Bé Chính
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nghiệp
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 12 năm 2013